

Số: 105 /CV – TN23

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2023

V/v rà soát, tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm
sau Hội thảo lần 2 theo nội dung đề nghị của
Công văn 2038/STNMT-QLTNB.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 186/HĐ-STNMT ngày 03/12/2021 được ký kết giữa Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh và Liên danh Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Trần Nguyễn – Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Nam về việc thực hiện Gói thầu số 04: Tổ chức thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” thuộc Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”;

Căn cứ Biên bản ngày 06/6/2023 về Hội thảo lần 2 Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”;

Căn cứ công văn số 2038 STNMT-QLTNB ngày 06/07/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc đề nghị rà soát, tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm sau Hội thảo lần 2 của Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

Liên danh Công ty TNHH CNMT Trần Nguyễn – Trung tâm QH và ĐT TNMTB khu vực phía Nam nhận được công văn số 2038/STNMT-QLTNB ngày 06/07/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc đề nghị rà soát, tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm sau Hội thảo lần 2 của Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”. Tiếp thu những ý kiến đóng góp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tại công văn số 2038/STNMT-QLTNB ngày 06/07/2023, Liên danh Nhà thầu tiếp tục chỉnh sửa và hoàn chỉnh báo cáo (Phụ lục giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung được đính kèm công văn này).

Trong quá trình thực hiện các nội dung tiếp theo của Gói thầu, Liên danh Nhà thầu sẽ tiếp tục triển khai theo đúng tiến độ và hợp đồng đã ký kết; đồng thời tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư để đảm bảo hoàn thành dự án theo đúng tiến độ, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.

Đại diện Liên danh Công ty TNHH CNMT
Trần Nguyễn – Trung tâm QH và ĐT
TNMTB khu vực phía Nam
Tổng giám đốc



TRẦN VĂN ĐANG

Phụ lục - Giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung đối với báo cáo của dự án theo đề nghị tại công văn số 2038/STNMT-QLTNB của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

TT	Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung chỉnh sửa, giải trình	Chỉnh sửa tại mục, trang báo cáo
I	Đối với Báo cáo tính tải lượng thông số chất lượng nước có trong nguồn nước mặt		
1	Tại Bảng 1 và Bảng 2, đề nghị bổ sung thêm cột số liệu về “Dòng chảy tối thiểu” của các tuyến sông, kênh (theo ý kiến của Tiến sĩ Thái Vũ Bình).	<p>- Hiện tại địa phương chưa có công bố số liệu về dòng chảy tối thiểu cho sông, kênh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Theo Hướng dẫn kỹ thuật tính toán sức chịu tải nguồn nước sông được ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-TCMT được Tổng cục môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 15/02/2019, về phương pháp tính sức chịu tải, cụ thể:</p> <p>+ Đối với dòng chảy ổn định, lưu lượng dòng chảy được coi khá đều trên cả đoạn sông và không tính đến ảnh hưởng triều, để tính toán sức chịu tải, cần thực hiện xác định dòng chảy tối thiểu theo quy định.</p> <p>+ Đối với đặc điểm sông, kênh phức tạp và có tính đến ảnh hưởng triều, ứng dụng phương pháp mô hình để tính sức chịu tải là cần thiết.</p> <p>→ Liên danh nhà thầu đang áp dụng phương pháp mô hình trong việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trực và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và phương pháp này không sử dụng số liệu dòng chảy tối thiểu để thực hiện. Vậy nên, trong phạm vi thực hiện của dự án không tiến hành thu thập hoặc thực hiện khảo sát, tính toán về dòng chảy tối thiểu trên sông.</p> <p>- Và theo phạm vi thực hiện của dự án, Liên danh nhà thầu sẽ bổ sung Dòng chảy trung bình của tháng mùa kiệt (trường hợp vận hành cống và không vận hành cống) tại nội dung tiếp theo của dự án.</p>	-
2	Tại trang 13, nêu nguồn trích dẫn thông tin, số liệu về hiện trạng sử dụng nước mặt.	Đã bổ sung, cụ thể: số liệu về hiện trạng sử dụng nước mặt được trích dẫn theo Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Trà Vinh 05 năm (2016-2020).	Tại trang 13 của báo cáo.

TT	Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung chỉnh sửa, giải trình	Chỉnh sửa tại mục, trang báo cáo
3	Tại trang 14, đề nghị kiểm tra lại công thức tính tải lượng Coliform và các đơn vị tính (L_{co} có đơn vị là MNP/ngày, C_{co} có đơn vị là MNP/100mL, Q_S có đơn vị là m^3/s); chú thích công thức.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa	Tại trang 14 của báo cáo.
II Đối với Báo cáo tính tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải			
4	Tại trang 9 – 10, đề nghị kiểm tra lại công thức tính tải lượng Coliform và các đơn vị tính (L_{co} có đơn vị là MNP/ngày, C_{co} có đơn vị là MNP/100mL, Q_S có đơn vị là m^3/s); chú thích công thức.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa	Tại trang 9-10 của báo cáo
5	Mục II. Phương pháp tính tải lượng ô nhiễm, đề nghị: + Bổ sung thêm mục giới thiệu cơ sở tính toán từng loại nước thải: công thức tính và chú thích, nguồn trích dẫn của mỗi công thức. + Tại trang 10, đề nghị: bổ sung nguồn trích dẫn công thức của Phương thức thứ 2: $TLs = HSPTs * SLĐVs (2)$; cụ thể Báo cáo đã áp dụng tính toán theo Phương thức thứ 1 hay thứ 2.	+ Đã bổ sung mục giới thiệu cơ sở tính toán từng loại nước thải + Đã chỉnh sửa, cụ thể: Đối với nguồn điểm và nguồn diện được thống nhất tính toán theo điều 82 Thông tư 02/2022/BTNMT.	+ Tại mục III và IV của báo cáo (đã bổ sung tại từng loại nước thải theo từng huyện/thị xã/thành phố). + Tại mục II của báo cáo.
6	Mục III. Tính toán tải lượng nước thải theo các nguồn thải, đề nghị: + Nêu rõ số liệu dân số của các huyện, thị xã, thành phố năm nào. + Trang 13, công thức tính tải lượng nước thải vật nuôi: $Tổng\ lượng\ nước\ thải = Số\ vật\ nuôi^{(1)} \times Lưu\ lượng\ thải^{(2).(3)}$. Đề nghị: bổ sung bảng số liệu của giá trị (2) và (3); khi nào áp dụng giá trị (2) và khi nào áp dụng giá trị (3) vào tính toán.	+ Số liệu dân số lấy theo Niên giám thống kê từng huyện, thị xã, thành phố năm 2021. + Đã chỉnh sửa, cụ thể: thống nhất tham khảo lượng nước cấp cho chăn nuôi theo TCVN 4454:2012 - Quy hoạch xây dựng nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế cho tất cả vật nuôi.	+ Tại mục 4.1.1; 4.2.1; 4.3.1; 4.4.1; 4.5.1; 4.6.1; 4.7.1; 4.8.1; và 4.9.1 của báo cáo. + Tại mục 4.1.2; 4.2.2; 4.3.2; 4.4.2; 4.5.2; 4.6.2; 4.7.2; 4.8.2; và 4.9.2 của báo cáo.
7	Rà soát các cơ sở phát sinh nước thải công nghiệp, y tế: tên cơ sở, tọa độ, ...	Đã rà soát và chỉnh sửa	Tại bảng 2; bảng 5 và bảng 8 thuộc mục III báo cáo
8	Bổ sung tính tải lượng nguồn thải đối với một số cơ sở có hoạt động xả nước thải từ năm 2021 đến nay (do Phòng Quản lý Môi trường tham mưu cấp Giấy phép môi trường).	Đang cập nhật	-

TT	Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung chỉnh sửa, giải trình	Chỉnh sửa tại mục, trang báo cáo
III Đối với Báo cáo mô hình thủy lực			
9	Đề nghị bổ sung sơ đồ hiệu chỉnh mô hình thủy lực.	Đã bổ sung	Tại hình 3.8, trang 51 của báo cáo
10	Đề nghị bổ sung quy định về sai số cho phép trong hiệu chỉnh và kiểm định mô hình khi so sánh kết quả tính toán và thực đo.	Đã bổ sung, cụ thể: thông thường sử dụng chỉ số NSE để đánh giá độ biến thiên của dữ liệu theo thời gian, NSE càng cao càng tốt. Theo đó, để kết quả sau hiệu chỉnh có thể được sử dụng để tính toán sức chịu tải ở các bước sau, thì yêu cầu chỉ số $NSE > 0,5$ (các kết quả hiệu chỉnh đều cho ra chỉ số NSE của mô hình dự án ở mức độ đạt và rất tốt). Ngoài ra, để đánh giá thêm, dự án có tính toán chỉ số R^2 , RSR và $PBIAS$ đều cho kết quả đạt trở lên.	Tại bảng 3.6, trang 52 của báo cáo.
IV Đối với Báo cáo mô hình chất lượng nước			
11	Tại trang 14, tại sao chọn điều kiện đầu vào là năm 2022 nhưng điều kiện biên là 2020 (<i>theo ý kiến của Tiến sĩ Nguyễn Thành Tựu</i>). Đề nghị bổ sung nội dung giải trình vào Báo cáo.	Đã bổ sung	Tại trang 14 của báo cáo.
12	Chưa thấy ghi thời điểm đo là lúc mấy giờ, và tần suất đo là bao lâu 1 lần? Giá trị trung bình là của bao nhiêu mẫu? Khoảng thời gian mô phỏng là từ thời điểm nào đến thời điểm nào? Bước thời gian là bao nhiêu? (<i>theo ý kiến của Tiến sĩ Nguyễn Thành Tựu</i>). Đề nghị bổ sung nội dung giải trình vào Báo cáo.	Đã tiếp thu và bổ sung vào báo cáo, cụ thể: + Tần suất đo lấy mẫu là 3 ngày/mẫu và lấy 10 mẫu/vị trí. Mẫu quan trắc được lấy 10 lần trong tháng 3 và tháng 4, 6 lần lấy mẫu trong tháng 3 và các ngày 11, 14, 17, 24, 27, và 31. Và 4 lần lấy mẫu trong tháng 4 gồm các ngày 15, 18, 20, 24. + Khoảng thời gian mô phỏng từ ngày 25/2 đến ngày 25/4. Bước thời gian là 120s.	+ Tại mục 2.3.1, trang 28 của báo cáo. + Tại mục 2.4, trang 62 của báo cáo.
13	Bổ sung sơ đồ hiệu chỉnh mô hình chất lượng nước.	Đã bổ sung	Tại hình 2.7, trang 28 của báo cáo.
14	Các số thập phân chưa thống nhất, trong hình thì dùng dấu chấm còn trong bảng thì dùng dấu phẩy. Cách lấy số thập phân cũng không thống nhất, ví dụ trong bảng 2.9: từ QT2 đến QT26 thì lấy 3 chữ số thập phân, trong khi từ QT27 trở đi thì lấy 2 chữ số thập phân. Đề nghị rà soát, chỉnh sửa thống nhất.	Đã chỉnh sửa, cụ thể: + Thống nhất dùng dấu phẩy cho số thập phân trong hình và bảng. + Thống nhất với số >1 lấy 1 số sau dấu phẩy và số <1 lấy 2 số sau dấu phẩy.	Tại các hình và bảng mục 2.3 của báo cáo.

TT	Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung chỉnh sửa, giải trình	Chỉnh sửa tại mục, trang báo cáo
15	Đề nghị bổ sung quy định về sai số cho phép trong hiệu chỉnh và kiểm định mô hình khi so sánh kết quả tính toán và thực đo.	Đã bổ sung	Tại bảng 2.5 trang 29 của báo cáo.
V	Đối với Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện		
16	Bổ cục lại Báo cáo tổng hợp theo Phụ lục 17 (<i>Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn</i>) kèm theo Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022.	Đã cập nhật	-
17	Tại trang 22, Mục 3.3. Dự kiến kế hoạch thực hiện, chỉ cần nêu chi tiết đối với các nội dung thực hiện trong thời gian tới (từ ngày 01/6/2023 về sau).	Đã chỉnh sửa	Tại mục 2.2, trang 10-11 của báo cáo
18	Cập nhật các nội dung đã chỉnh sửa từ các Báo cáo chuyên đề: tính tải lượng thông số chất lượng nước có trong nguồn nước mặt; tính tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải; mô hình thủy lực; mô hình chất lượng nước vào báo cáo tổng hợp.	Đã bổ sung	Tại mục 3.2 và 3.3 của báo cáo.
19	Viết lại kết luận phù hợp với Báo cáo tổng hợp.	Đã viết lại cho phù hợp với các công việc đã thực hiện	Tại phần kết luận, trang 230 của báo cáo.
VI	Các lưu ý khác		
20	Đối với Phụ lục giải trình nội dung chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 81/CV-TN23 ngày 22/6/2023, đề nghị rà soát lại: lỗi chính tả, cột " <i>Chỉnh sửa tại mục, trang của Báo cáo</i> " cho trùng khớp với các Báo cáo.	Đã cập nhật	-
21	Kiểm tra lại số thứ tự các mục, bảng, hình và Mục lục tại các Báo cáo; rà soát lỗi chính tả, lỗi Font chữ trong toàn bộ các Báo cáo.	Đã cập nhật	-
22	Tài liệu tham khảo: Niên giám thống kê năm 2020 hay năm 2022.	Tham khảo Niên giám thống kê năm 2021.	